

THÔNG TƯ

**Quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng
Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh**

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về định mức hành lý, tài sản di chuyển, quà biếu, quà tặng, hàng mẫu được miễn thuế, xét miễn thuế, không chịu thuế;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh.

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh (sau đây gọi tắt là Tờ khai Hải quan) được áp dụng tại các cửa khẩu theo Danh sách quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm Thông tư này; và theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

2. Trường hợp cửa khẩu không quy định tại khoản 1 Điều này cơ quan Hải quan sử dụng mẫu tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh ban hành kèm theo Quyết định số 3195/QĐ-BCA/A61 ngày 10/8/2010 của Bộ Công an.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan hải quan, công chức hải quan;

2. Người xuất cảnh, nhập cảnh mang hộ chiếu, giấy tờ có giá trị tương đương hộ chiếu thuộc đối tượng phải khai báo hải quan khi xuất cảnh, nhập cảnh quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

CHƯƠNG II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục I

Mẫu Tờ khai Hải quan và khai Tờ khai Hải quan

Điều 3. Quy định về mẫu Tờ khai Hải quan

Mẫu Tờ khai Hải quan quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Tờ khai Hải quan in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, kích thước là 12cm x 24cm gồm 04 trang, chữ màu đen và màu đỏ, nền trắng, phông chữ Time New Roman, bố cục như sau:

1. Trang 1: Phía trên chính giữa ghi quốc hiệu “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” (màu đen, cỡ chữ 10 pt), tên Bộ chủ quản “BỘ TÀI CHÍNH” (màu đen, cỡ chữ 9 pt); chính giữa trang là biểu tượng của ngành Hải quan Việt Nam đường kính 3 cm; phía dưới là dòng chữ “TỜ KHAI HẢI QUAN” (màu đỏ, cỡ chữ 14 pt) và dòng chữ “dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh” (màu đen, cỡ chữ 11 pt).

2. Trang 2, 3 là phần nội dung liên quan đến các thông tin về người xuất cảnh, nhập cảnh và định lượng các mặt hàng của người xuất cảnh, nhập cảnh phải khai báo, chữ màu đen, cỡ chữ 9 pt, góc trên bên phải in số seri.

3. Trang 4 : Phía trên cùng bên trái là biểu tượng ngành Hải quan đường kính 1,5 cm, chính giữa là dòng chữ “TỜ KHAI HẢI QUAN” (màu đỏ, cỡ chữ 14 pt), phía dưới là dòng chữ “Phần Hải quan lưu” (màu đen, in nghiêng, cỡ chữ 11 pt); ở giữa là phần xác nhận của cơ quan Hải quan; phía dưới là nội dung hướng dẫn khai hải quan, tiêu đề “HƯỚNG DẪN KHAI HẢI QUAN” (màu đỏ, cỡ chữ 12 pt) và những thông tin cần thiết về hải quan đối với người xuất cảnh, nhập cảnh (màu đen, cỡ chữ 7 pt).

Điều 4. Quy định việc khai trên Tờ khai Hải quan

1. Người xuất cảnh, nhập cảnh phải khai Tờ khai Hải quan khi xuất cảnh, nhập cảnh nếu thuộc các đối tượng sau:

- a) Có hành lý ký gửi trước hoặc sau chuyến đi;
- b) Có hàng hóa tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập;
- c) Có hàng hóa phải nộp thuế: rượu từ 22 độ trở lên vượt trên 1,5 lít hoặc rượu dưới 22 độ vượt trên 2 lít hoặc đồ uống có cồn, bia vượt trên 3 lít; thuốc lá vượt trên 200 điếu; xì gà vượt trên 100 điếu; thuốc lá sợi vượt trên 500 gram; các vật phẩm khác có tổng trị giá trên 10.000.000 đồng Việt Nam;

d) Mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt, kim loại quý, đá quý, công cụ chuyển nhượng, mang vàng xuất cảnh, mang vàng nhập cảnh phải khai báo hải quan theo quy định tại Thông tư số 35/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 và Thông tư số 11/2014/TT-NHNN ngày 28/3/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cụ thể:

d.1. Mang theo ngoại tệ có trị giá trên 5.000 USD hoặc ngoại tệ khác tương đương hoặc mang trên 15.000.000 đồng Việt Nam;

d.2. Mang theo hối phiếu, séc hoặc kim loại quý (bạc, bạch kim và các loại hợp kim có bạc, bạch kim), đá quý (kim cương, ruby, sapphire, e-mơ-rôt) có giá trị từ 300 triệu đồng Việt Nam trở lên;

d.3. Mang theo vàng trang sức, mỹ nghệ có trọng lượng từ 300 gram trở lên;

đ) Người nhập cảnh có nhu cầu xác nhận hải quan đối với ngoại tệ tiền mặt trị giá bằng hoặc thấp hơn 5.000 USD (hoặc ngoại tệ khác tương đương).

2. Người xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện khai Tờ khai Hải quan theo trang 4 của mẫu Tờ khai Hải quan và Phụ lục số 04 ban hành kèm Thông tư này; khai đầy đủ thông tin vào các ô trên các trang 02, trang 03 của Tờ khai Hải quan trước khi làm thủ tục với các cơ quan Hải quan tại cửa khẩu theo từng lần xuất cảnh, nhập cảnh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai của mình; ghi rõ ràng, không được tẩy xóa, sửa chữa; không sử dụng bút chì, bút mực đỏ để khai.

Mục II

Quy định trách nhiệm quản lý, hướng dẫn khai và xác nhận của cơ quan Hải quan

Điều 5. Trách nhiệm của Cục Hải quan tỉnh, thành phố

1. Chỉ đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu trực thuộc thực hiện các nội dung sau:

a) Thông báo rộng rãi việc sử dụng Tờ khai Hải quan (theo dạng tờ rơi, bảng hiệu thông tin ...) tại khu vực làm thủ tục của người xuất cảnh, nhập cảnh tại cửa khẩu Việt Nam;

b) Tại cửa khẩu, bố trí vị trí, khay hộp đặt Tờ khai Hải quan thuận lợi, dễ nhận biết để người xuất cảnh, nhập cảnh khai (vị trí trước khu làm thủ tục của cơ quan Hải quan); và có đầy đủ bàn để người xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện khai;

c) Tại cửa khẩu đường bộ, dịch nội dung Tờ khai Hải quan sang tiếng của nước láng giềng, công bố tại khu vực làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh để người xuất cảnh, nhập cảnh được biết và thực hiện.

2. Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ 6 tháng một lần tại các Chi cục Hải quan cửa khẩu trực thuộc việc thực hiện quản lý và hướng dẫn người xuất cảnh, nhập cảnh sử dụng tờ khai.